

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HS-ST

Ngày: 22-7-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Ông Trần Văn Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* ông Lâm Sà Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/TLST-HS, ngày 12 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 7 năm 2024, đối với:

Bị cáo **Phan Văn Đ**, sinh năm ngày 26/7/1995, tại **N, Sóc Trăng**. Nơi cư trú: **khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**. Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn T** (sống) và bà **Trịnh Thị S** (chết); Tiền án, tiền sự: không.

Bị khởi tố vào ngày 19/3/2024, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/3/2024. Bị tạm giam từ ngày 11/5/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Ông **Bùi Văn Q**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: **khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ông **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1986 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**

*** Người làm chứng:**

1/ Bà **Lê Thị T2**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: **khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**

2/ Ông **Lương Hoàng Đ1**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: **khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**

3/ Ông **Huỳnh Công N**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Phan Văn Đ** bị Viện kiểm sát nhân dân **thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 16/12/2023, bị cáo **Phan Văn Đ**, cùng với **Lương Hoàng Đ1**, đi đến nhà bà **Lê Thị T2** ở **khóm T, phường B, thị xã N** chơi thấy bà **T2** đang uống rượu cùng với ông **Bùi Văn Q** và một số người khác nên **Đ** và **Đ1** đi vô ngồi uống rượu chung, uống đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì hết rượu, lúc này do bị mệt nên ông **Q** đang nằm nghỉ thì **Đ** đi đến gặp ông **Q** hỏi mượn xe mô tô của ông **Q** đi mua rượu, ông **Q** đồng ý và đưa chìa khóa xe cho **Đ**, **Đ** đi ra lộ lấy xe mô tô BKS 83H1-9811 của ông **Q** chạy đi, nhưng **Đ** không có đi mua rượu mà chạy xe đi đến nhà **Huỳnh Văn M** **ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** nhậu cùng với **M**, đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì nghỉ nhậu, **M** và **Đặng đ** đến bàn bi da gần nhà của **M** thì gặp ông **Huỳnh Công N**, nên **Đ** và **N** có đánh bi da cá độ nhậu thì **Đ** bị thua, do không có tiền trả tiền bàn bi da và trả tiền độ nhậu cho **N** nên **Đặng nẩy s** ý định bán xe mô tô BKS 83H1-9811 của ông **Q** để lấy tiền tiêu xài, **Đặng hỏi M1** có mua xe không sẽ bán với giá 1.200.000 đồng thì **M1** đồng ý mua, sau khi bán xong **Đ** lấy tiền tiêu xài hết số tiền này. Còn **M1** sau khi mua xe mô tô BKS 83H1-9811 của **Đ** thì **M1** điều khiển đến khu vực **thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** thì bị Cảnh sát giao thông **Công an thị xã V** tạm giữ xe mô tô BKS 83H1-9811.

Đến ngày 25/01/2024, do không thấy **Đ** trả lại xe nên ông **Q** đi đến **Công an P, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** tố giác hành vi của **Phan Văn Đặng**.

Tại bản Kết Luận định giá số 05/KLHĐĐG ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thị xã N** kết luận: xe mô tô BKS 83H1-9811 có giá trị là 7.433.400 đồng;

Ngày 19/3/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã N** quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can **Phan Văn Đ** về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 26/CT-VKSNN ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo **Phan Văn Đ** về tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai nhận tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng tài liệu chứng cứ khác do đó hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo **Phan Văn Đ** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, xử phạt bị cáo **Phan Văn Đ** từ 06 đến 08 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên đề nghị không đặt ra xem xét

+ Đối với nguyên đơn dân sự **Huỳnh Văn M** có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng là phù hợp và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự chấp nhận và buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho ông **Huỳnh Văn M** số tiền 1.200.000 đồng.

+ Đối với hành vi mua xe của ông **Huỳnh Văn M**: Do ông **M** không biết chiếc xe **Đ** đem bán cho **M** là do bị cáo mượn của ông **Q** và khi bán cho ông **M** bị cáo cũng không nói xe là của ông **Q** nên cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

- Tại phiên tòa bị cáo **Phan Văn Đ** thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

+ Đối với nguyên đơn dân sự **Huỳnh Văn M** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại số tiền 1.200.000 đồng cho ông **M**.

+ Bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Thanh T1** không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Đối với ông **Huỳnh Văn M** trong vụ án này có liên quan và có đơn yêu cầu phía bị cáo trả lại cho ông số tiền 1.200.000 đồng nên căn cứ khoản 1 Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự xác định ông **M** là nguyên đơn dân sự trong vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay bị hại **Bùi Văn Q**; nguyên đơn dân sự ông **Huỳnh Văn M** có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Thanh T1**; người làm chứng bà **Lê Thị T2**, **Huỳnh Công N**, **Lương Hoàng Đ1** vắng

mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với ông Q, ông M, T1, bà T2, ông N, ông Đ1.

[3] Về việc nội dung vụ án

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phan Văn Đ thừa nhận có thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như cáo trạng đã nêu.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 16/12/2023 bị cáo Phan Văn Đ đã có hành vi mượn xe của ông Bùi Văn Q sau đó mang đi bán cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân trong khi không được sự đồng ý của ông Q. Theo Kết luận định giá số 05/KLHĐĐG ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N kết luận: xe mô tô BKS 83H1-9811 của ông Q có giá trị là 7.433.400 đồng nên hành vi của bị cáo Phan Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã truy tố.

Xét hành vi của bị cáo Phan Văn Đ thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây mất ổn định tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Xuất phát từ việc muốn có tiền để phục vụ cho mục đích cá nhân của bị cáo và lợi dụng lòng tin của ông Q về việc cho bị cáo mượn xe thì bị cáo lại nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của ông Q bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo lại bỏ đi khỏi địa phương gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng nên việc truy tố đưa bị cáo ra xét xử nghiêm trước pháp luật là cần thiết.

[5] Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi của mình, thiệt hại xảy ra không lớn, tài sản chiếm đoạt bị cáo đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Tuy nhiên, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và cũng để phòng ngừa chung cho xã hội cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tự suy nghĩ về hành vi sai phạm bị cáo đã thực hiện, cũng như để cho bị cáo được lao động học tập khi trở về hòa nhập cộng đồng sẽ trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, khi quyết định hình phạt căn cứ Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, nghĩ nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về khung hình phạt phải áp dụng; áp dụng điểm i, s, h khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hôm nay phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, có căn cứ và có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với ông **Huỳnh Văn M** yêu cầu đòi bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý trả lại cho ông **M** số tiền này nghĩ nên ghi nhận và buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho ông **Huỳnh Văn M** số tiền 1.200.000 đồng

[8] Về phần xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không đặt ra vấn đề xử lý.

[9] Đối với hành vi mua lại chiếc xe của **M**: Do khi mua **M** không biết và bị cáo cũng không nói chiếc xe là của bị cáo mượn của ông **Q** sau đó bán lại cho **M** nên cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đặt ra vấn đề xử lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự, và có trách nhiệm trả tiền theo yêu cầu của ông **M** nên phải chịu án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 38, Điều 50; điểm i, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 (Được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phan Văn Đ**, phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo **Phan Văn Đ**: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 11/5/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo **Phan Văn Đ** có trách nhiệm trả cho ông **Huỳnh Văn M** số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với hành vi mua lại chiếc xe của **M**: Do khi mua **M** không biết và bị cáo cũng không nói chiếc xe là của bị cáo mượn của ông **Q** sau đó bán lại cho **M** nên cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đặt ra vấn đề xử lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét xử lý.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự và 300.000 đồng án phí dân sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Báo cho bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; NLQ; NĐDS;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- CQ. THAHS Công an thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân phường 2
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh

